

TRẬN YPRES II (22.4-25.5.1915), trận đầu tiên quân Đức sử dụng khí độc quy mô lớn nhằm chọc thủng tuyến phòng thủ của quân Anh - Pháp ở mặt trận phía tây trong Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất (1914-1918).

Ngay từ giai đoạn 1 Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất (8-12.1914), tại mặt trận phía tây, liên quân Anh-Pháp (phe Hiệp ước) đã xây dựng tuyến phòng thủ mạnh kéo dài từ Lorraine (Pháp) đến bờ biển Flemish (Bi) nhằm ngăn chặn quân Đức tấn công vào miền Bắc nước Pháp qua Bỉ. Trong hệ thống phòng thủ này, đoạn chạy qua tỉnh Flanders, trong đó thị trấn Ypres (Bi) là “mắt xích” giữ vị trí trung tâm. Từ ngày 20.10 đến 15.11.1914, Đức đã dùng tập đoàn quân 4 và 6 tiến công đánh chiếm Ypres nhằm chọc thủng đoạn phòng ngự này, nhưng không thành công. Đến đầu tháng 4.1915, Bộ chỉ huy quân Đức một lần nữa quyết định dùng Tập đoàn quân 4 mở trận tiến công lần thứ hai vào Ypres (lúc này có quân Anh, Pháp, Canada phòng ngự). Quân số hai bên tham gia trận đánh gần tương đương nhau (mỗi bên khoảng 100.000 người). Lần đầu tiên, quân Đức sử dụng khí độc quy mô lớn vào một trận đánh. TYII diễn ra trong 4 đợt:

Đợt 1 (22-23.4), sáng 22.4, Đức sử dụng pháo binh bắn phá dữ dội khu vực Gravenstafel, nhưng phòng tuyến Anh - Pháp vẫn được giữ vững. Đến 17 giờ ngày 22.4, kết hợp với đạn pháo, Đức thả 5.730 thùng khí chlorine, mỗi thùng nặng 45 kg dọc tuyến phòng thủ dài 6,5 km do quân Pháp và lính thuộc địa người Algeria, Morocco phòng ngự. Chỉ trong vòng mười phút, 6 nghìn trong tổng số 10 nghìn quân Pháp và lính thuộc địa bị chết, 2 nghìn bị bắt làm tù binh. Những người sống sót (kể cả tù binh) bị mù tạm thời, hoặc ngạt thở do hít phải khí độc. Nhiều binh lính Đức cũng chịu hậu quả tương tự vì không có phương tiện phòng hộ chuyên dụng. Sau đợt một, quân Đức đột phá và chiếm được một đoạn trận địa phòng ngự dài khoảng 6.5 km, sâu 3 km, nhưng sau đó bị Tập đoàn quân 2 phản công giành lại.

Đợt hai (24.4 - 5.5), sáng ngày 24.4, Đức rải khí độc vào tuyến phòng ngự của Sư đoàn 1 (Canada) ở phía tây làng St Julien. Binh lính sử dụng khăn tay tẩm nước tiêu che mũi, mồm nhưng không hiệu quả, Đức chiếm được làng. Ngày 25.4, quân Canada tổ chức phản công nhưng không thành công, chỉ lập được một tuyến phòng ngự ở rìa làng. Sau trận đánh, tướng Smith Dorrien, Tư lệnh Tập đoàn quân 2 quân Anh đề nghị rút lui về phía sau khoảng 4 km vì thấy chưa thể tổ chức ngay một cuộc phản công quy mô để đẩy quân Đức lui về vị trí cũ. Ý tưởng của Dorrien ngay lập tức gặp phải sự phản đối gay gắt của tướng John French, Tư lệnh Lực lượng viễn chinh Anh (BEF). Không những vậy, ông còn quyết định cách chức Smith Dorrien và thay thế bằng tướng Herbert Plumer. Tuy nhiên, cũng như người tiền nhiệm, Plumer cũng đề xuất thực hiện cuộc rút lui toàn diện. Sau đợt phản công của hai sư đoàn quân Pháp do tướng Ferdinand Foch chỉ huy bị thất bại, ý kiến của Plumer được chấp nhận. Ngày 1 - 3.5, Pháp rút quân, việc tổ chức phản công tại St Julien thất bại, Sư đoàn 1 Canada bị thương vong 5.975 người.

Đợt ba (8 - 15.5), tại dãy đồi Freudenberg, Đức di chuyển pháo binh ra tuyến trước và bố trí Quân đoàn 3 đối diện với sư đoàn 27 và 28 của Pháp. Ngày 8.5, trên hướng phòng ngự của Lữ đoàn 83, sau trận pháo kích phá hủy hệ thống giao thông hào của quân Pháp, Đức tổ chức ba đợt tiến công nhưng đều bị đẩy lui. Trên hướng của Lữ đoàn 80, quân Đức phá được phòng tuyến dài hơn 3 km nhưng bị cuộc

phản công của Lữ đoàn 10 quân Pháp chặn lại. Ngày 10.5, quân Đức lại sử dụng khí độc một lần nữa nhưng ít hiệu quả. Sau sáu ngày tiến công liên tục, Đức tiến thêm được 2 km trên khu vực phòng tuyến.

Đợt bốn (24 - 25.5), ngày 24.5, Đức rải khí độc trên tuyến phòng ngự dài 7,5 km tại khu vực Bellewaerde, sau đó mở một cuộc đột kích mạnh vào quân đồng minh đang triệt thoái. Quân Anh chống trả được đợt tiến công đầu tiên, nhưng sau đó thất bại buộc phải lui thêm 1 km về phía bắc. Do thiếu nguồn tiếp viện và lực lượng dự bị, đến 25.5, quân Đức phải dừng tiến công.

Kết thúc trận đánh, lực lượng phe Hiệp ước bị chết, bị thương và bị bắt làm tù binh 69.000 quân, Đức tổn thất 35.000. Sau TYP, Đức chọc thủng được tuyến phòng ngự của liên quân Anh - Pháp trên một đoạn dài 5 km, sâu 8 km. Loại khí độc được quân Đức sử dụng trong trận Ypres sau đó được đặt tên là Yprite (C_2H_4Cl) 2S hay còn gọi là lưu huỳnh mustards. Việc Đức sử dụng khí độc trong chiến tranh đã tạo nên một tiền lệ nguy hiểm (chiến tranh hóa học). Sau Đức, nhiều nước, trong đó có cả Anh nhanh chóng phát triển vũ khí này và đưa vào sử dụng trên chiến trường Châu Âu. (958 chữ)

LÊ ĐỨC HẠNH

Tài liệu tham khảo

1. *ALMANACH những nền văn minh thế giới*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1996.
2. Bộ Quốc phòng, *Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.
3. Bộ Quốc phòng, *Bách khoa toàn thư quân sự Việt Nam*, quyển 1, Lịch sử quân sự, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2015, tr. 1009-1010.
4. Министерство обороны СССР, *Советская Военная Энциклопедия, Том 3*, Воениздат, М, 1977, с.581.